

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1911 /QĐ-UBND

Huế, ngày 11 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

*Căn cứ Quyết định 1767/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch*

*UBND thành phố về phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4205/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 6 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố kèm theo Quyết định danh mục 03 thủ tục hành chính (TTHC), bao gồm: 02 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 01 TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Danh mục TTHC đính kèm*).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã có trách nhiệm niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026.

- Thay thế TTHC đã được công bố có số thứ tự 1, 2 tại Mục A. II, Phần I Danh mục TTHC ban hành kèm Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 03 tháng 2 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bãi bỏ TTHC đã được công bố có số thứ tự 9 tại Mục A. II, Phần I Danh mục TTHC ban hành kèm Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 03 tháng 2 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư Pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Hải Minh**

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

## 1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                       | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cách thức và địa điểm                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan giải quyết TTHC                                                                                                      | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                            |
|-----|------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.004943   | Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản | <p>- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành</p> | <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>)</p> | Không       | <p>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Điều 12 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Mục III Phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-</p> | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> | <p>- Thời gian giải quyết;</p> <p>- Trình tự thực hiện.</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cách thức và địa điểm                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cơ quan giải quyết TTHC                                                                                                      | Nội dung sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|     |            |                                                                                               | <i>quyết công nhận kết quả khảo định nghiệm giống thủy sản</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             | <i>CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                              |                           |
| 2   | 1.004683   | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản | <p>- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận</p> | <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>)</p> | Không       | <p>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Điều 17, Điều 18 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Mục II Phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ</p> | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> |                           |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết                                                                        | Cách thức và địa điểm | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC | Cơ quan giải quyết TTHC | Nội dung sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------|
|     |            |                        | <i>kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.</i> |                       |             |                                   |                         |                           |

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| STT | Mã Số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                    | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC                                                                                  | Cơ quan giải quyết TTHC |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1   | 1.004697   | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá | - Điều 38 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP<br>- Mục I Phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 6.19/2026/NQ-CP | Chi cục Thủy sản        |